

Số: 15/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 108/2025/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1974

Căn cước công dân số: 038174028153;

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1971

Căn cước công dân số: 038071028953;

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc D.

- Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc D công nhận vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Ngọc Đ, sinh ngày 05/02/1999 và Nguyễn Thị Khánh Ch, sinh ngày 29/3/2005. Hiện nay 2 con đã thành niên và tự lập cuộc sống nên chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc D thống nhất đã tự thỏa thuận phân chia xong nên chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Ngọc D thống nhất thỏa thuận: Chị Phạm Thị T chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005492 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa.

Trả lại cho chị T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và 34.761.000đ (Ba mươi tư triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí giá ngạch tài sản mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0005492 ngày 08/5/2025 và biên lai thu số 0005517 ngày 28/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã B;
- Lưu.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

